TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Nguyễn Chí Công;
Đặng Thanh Cao.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19/12/2022 "V/v Xin ly hôn và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68A/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn P - Sinh năm: 1982. Địa chỉ: TT Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Phạm M - Sinh năm: 1980. Địa chỉ: TT Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Nguyễn P trình bày:

- Về hôn nhân: Nguyễn P và Phạm M tìm hiểu quen nhau rồi sống như vợ chồng từ năm 2004 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng không tìm được tiếng nói thường xuyên cự cải, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay anh P xin được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2004 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 01/4/2007, Nguyễn P đồng ý giao con Nguyễn Hoàng Anh T cho chị M nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Ngọc T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung Nguyễn P không yêu cầu giải quyết.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà bị đơn Phạm M trình bày:

- Về hôn nhân: Phạm M và Nguyễn P tìm hiểu rồi quen nhau sống như vợ chồng từ năm 2004 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có cũng có nhiều quan điểm bất đồng nvợ chồng không cùng tiếng nói thường xuyên cự cải nên chị M đồng ý ly hôn với anh Nguyễn P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2004 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 01/4/2007 chị M yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Hoàng Anh T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, Đối với Nguyễn Ngọc Tđã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung Phạm M không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn P và Phạm M sống chung như vợ chồng từ năm 2004 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....".

[2] Về con chung: Nguyễn P và Phạm M có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2004 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 01/4/2007 anh P đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T cho chị M nuôi, chị M cũng yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Hoàng Anh T và cháu Thái cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó chị M được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 01/4/2007 là có căn cứ, đúng theo quy định với Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Nguyễn P và Phạm M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Nguyễn P và Phạm M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyên đơn Nguyễn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn P và Phạm M.

2. Về con chung: Phạm M được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 01/4/2007.

Phạm M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Nguyễn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0015954, ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn P đã nộp xong).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/7/2023).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cao Diễm